

Khai thác hải sản của Việt Nam: Thực trạng và giải pháp

QUÁCH THỊ HÀ*
TRẦN TRUNG DŨNG**

Thời gian qua, ngành khai thác hải sản Việt Nam đã có sự phát triển vượt bậc về sản lượng khai thác, số lượng tàu thuyền khai thác có công suất cao không ngừng tăng lên, tỷ lệ nhân lực khai thác thủy sản được đào tạo có tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, sản lượng khai thác đang có xu hướng chững lại, trình độ nhân lực còn yếu, hậu cần nghề cá còn hạn chế, ô nhiễm môi trường ngày càng trở nên trầm trọng, việc quản lý khai thác còn hạn chế... Những bất cập này cần khắc phục nhằm thúc đẩy ngành này phát triển, đóng góp vào sự phát triển của kinh tế biển Việt Nam nói riêng và phát triển kinh tế nói chung.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Sản lượng

Sản lượng khai thác thủy sản nói chung và khai thác biển nói riêng không ngừng tăng từ năm 2005 đến nay. Tốc độ tăng trưởng trung bình của ngành khai thác biển từ năm 2005 đến nay đạt khoảng 105%.

Năm 2005, sản lượng thủy sản của cả nước đạt trên 1.987 nghìn tấn; trong đó, khai thác biển đạt 1.791 nghìn tấn, sản lượng cá khai thác được là 1.367,5 nghìn tấn. Năm 2010, sản lượng thủy sản đạt trên 2414,4 nghìn tấn; trong đó, khai thác biển đạt 2.220 nghìn tấn, sản lượng cá khai thác được là 1.662,7 nghìn tấn, tăng khoảng 20% so với năm 2005. Năm 2018, sản lượng khai thác biển toàn quốc đạt trên 3.396,7 nghìn tấn,

tăng gần gấp đôi so với năm 2005 (Hình). Năm 2019, sản lượng khai thác đạt 3.770 nghìn, tăng 4,5%. Tuy nhiên, 2019 là một năm đầy khó khăn cho ngành khai thác thủy sản Việt Nam và hoạt động nghề cá khi phải ứng phó với “Thẻ vàng” của Ủy ban châu Âu (EC).

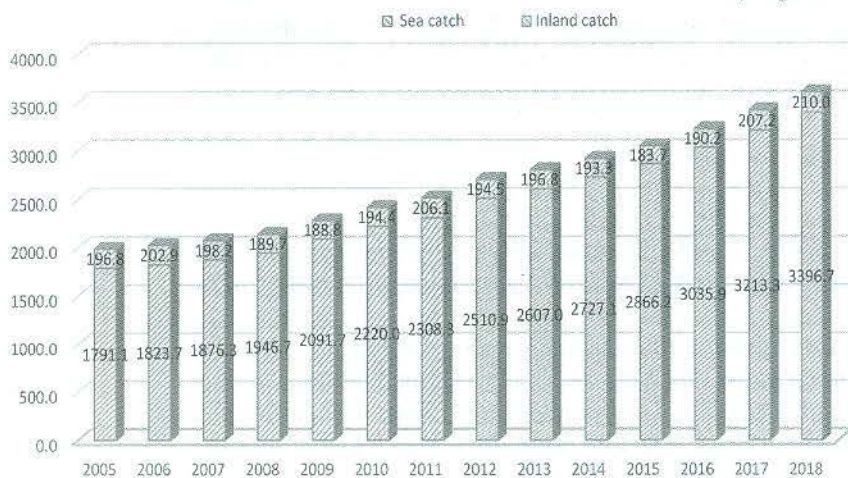
Với những nỗ lực vượt bậc của ngành thủy sản và bà con ngư dân, Việt Nam trở thành 1 trong 4 nước xuất khẩu thủy sản lớn nhất thế giới, giữ vai trò chủ đạo cung cấp thủy sản toàn cầu. Thủy sản Việt Nam hiện nay được tiêu thụ ở hơn 160 thị trường. Thị trường tiêu thụ ngày càng được mở rộng và ngày càng có chỗ đứng quan trọng ở những thị trường lớn. Mỹ, Nhật Bản, EU là 3 thị trường lớn nhất, chiếm 50%-60% giá trị xuất khẩu của Việt Nam.

Về cơ sở vật chất

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), tính đến năm 2018, cả nước có 96.000 tàu cá. Trong đó, có 46.491 tàu có chiều dài từ 6-12m, 8.914 tàu có chiều dài từ 12-15m; 27.484 tàu có chiều dài từ 15-24m; 2.958 tàu có chiều dài từ 24m trở lên. Tàu làm bằng gỗ chiếm 98,6%, còn lại là tàu làm bằng thép hoặc các vật liệu mới. Số tàu lưới kéo đạt khoảng 19.170 chiếc, chiếm 20% tổng số tàu; số tàu lưới vây đạt 6.046 chiếc, chiếm 6,3%; có 31.688 tàu lưới rê, chiếm 33%; số tàu làm nghề câu là 13.258 chiếc, chiếm 13,8%; số tàu cá ngư dật dương là 2.433 tàu, chiếm 2,5%;

HÌNH: SẢN LƯỢNG KHAI THÁC THỦY SẢN KHAI THÁC PHÂN THEO NGÀNH HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC BIỂN, KHAI THÁC NỘI ĐỊA

Đơn vị: Nghìn tấn



Nguồn: Niên giám Thống kê Việt Nam, 2019

* TS., Trường Đại học Hàng hải Việt Nam

** Trường Đại học Thương mại

BẢNG: TỔNG CÔNG SUẤT CÁC TÀU KHAI THÁC THỦY SẢN BIỂN TỪ 90CV TRỞ LÊN PHÂN THEO ĐỊA PHƯƠNG

Đơn vị: Nghìn CV

	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
Cả nước	4.145,4	5.059,7	5.516,5	6.938,7	8.084,9	9.388,8	10.688,1	12.339,0	13.480,6
Đồng bằng sông Hồng	115,5	144,7	149,0	160,4	204,1	264,8	375,8	487,6	599,2
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	1.386,7	1.856,7	2.223,5	3.092,8	3.885,6	4.996,6	5.815,5	6.644,6	7.409,6
Đông Nam Bộ	385,9	637,3	707,8	873,4	925,9	960,7	954,8	1.108,0	1.182,9
Đồng bằng sông Mê Kông	2.257,3	2.421,0	2.436,2	2.812,1	3.069,3	3.166,8	3.542,0	4.098,8	4.288,9

Nguồn: Niên giám Thống kê 2018

số tàu khai thác mực là 2.873 tàu, chiếm 3%; tàu logistic đạt 3.175 tàu, chiếm 3,3%; tàu khai thác loại khác đạt 15.341 tàu, chiếm 16%. Tổng công suất các tàu khai thác thủy sản biển từ 90CV trở lên phân theo địa phương như Bảng.

Đến nay, trên toàn quốc có 82 cảng cá đang hoạt động tại địa bàn của 27 tỉnh, thành phố ven biển, đạt 65% so với quy hoạch. Trong đó, có 25 cảng cá loại I (20 cảng loại I kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão); có 57 cảng cá loại II (có 35 cảng cá loại II kết hợp với khu neo đậu tránh trú bão, trong đó có 4 khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng). Tổng số lượng hàng hóa qua cảng thiết kế/năm khoảng 1,8 triệu tấn/9.298 lượt tàu/ngày, 9 cảng đáp ứng cho tàu cá công suất lớn nhất là 1.000CV và 02 cảng đáp ứng cho tàu cá công suất lớn nhất là 2.000CV cập cảng.

VỀ NGUỒN NHÂN LỰC

Ở Việt Nam, nghề khai thác thủy sản tạo công ăn, việc làm cho nhiều cộng đồng dân cư, đặc biệt ở những vùng nông thôn và ven biển. Ngành cung cấp công ăn việc làm thường xuyên cho khoảng 1,1 triệu người, tương ứng với 2,9% lực lượng lao động.

Tổng cục Thống kê cho biết, từ năm 2010 đến nay, lao động trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp có xu hướng giảm dần trong cơ cấu nguồn lao động ở Việt Nam. Năm 2010, tỷ trọng lao động trong các ngành này chiếm 49,5% của cả nước. Đến năm 2018, giảm xuống còn 37,7%. Riêng lao động trong ngành khai thác thủy sản, chưa có số liệu thống kê chính thức, nhưng cũng không nằm ngoài xu hướng suy giảm nêu trên.

Nguồn nhân lực được đào tạo trong ngành nông, lâm, ngư nghiệp cũng tăng dần cùng đã tăng lên của nhân lực đã

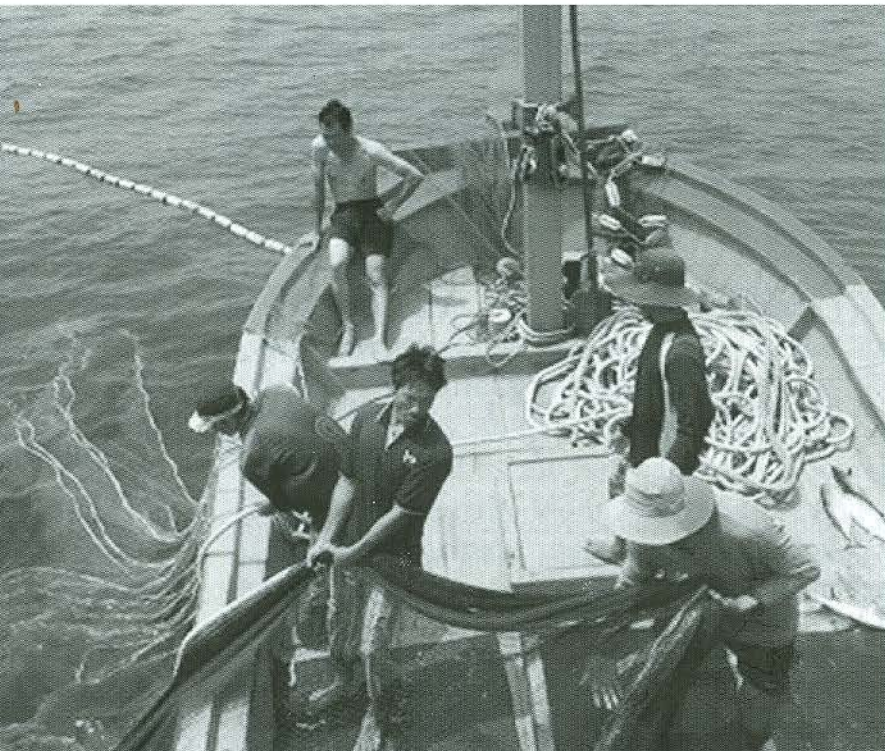
qua đào tạo của cả nước. Nếu năm 2010, tỷ lệ nguồn nhân lực đã qua đào tạo của nhóm ngành nông, lâm, ngư nghiệp là 2,4%, thì đến năm 2018 đã tăng lên 4,1%.

Đào tạo lao động biển trước đây chủ yếu theo kiểu “cha truyền, con nối”, người đi trước truyền kinh nghiệm cho người đi sau. Ngày nay, dưới tác động của toàn cầu hóa nền kinh tế, của Cách mạng Công nghiệp 4.0, các địa phương ven biển cũng đã tăng cường hoạt động đào tạo, dạy nghề cho lao động trong các ngành, nghề kinh tế biển trên địa bàn; lồng ghép nội dung phát triển nguồn nhân lực kinh tế biển trong xây dựng và thực hiện quy hoạch phát triển nguồn nhân lực của địa phương đến năm 2020. Hệ thống các trường đào tạo nghề, dạy nghề tại các địa phương ven biển được đầu tư nâng cấp và thành lập mới. Đến nay, có 90 trường cao đẳng nghề, 133 trường trung cấp nghề và 454 trung tâm dạy nghề. Trong đó, nhiều trường cao đẳng, trung cấp nghề có đào tạo ngành nghề về kinh tế biển. Tại 28 địa phương ven biển, tổng số lao động được đào tạo phục vụ trực tiếp các hoạt động khai thác, đánh bắt, chế biến hải sản là khoảng 30.000 người. Đồng thời, các địa phương cũng triển khai và nhân rộng các mô hình dạy nghề trong lĩnh vực thủy sản thông qua tổ chức thí điểm dạy nghề máy trưởng, thuyền trưởng hạng tư cho ngư dân ở 16/28 địa phương ven biển, với tổng số 25.000 ngư dân (chiếm 30% số ngư dân cần được đào tạo) (Hoàng Nam, 2018).

MỘT SỐ HẠN CHẾ NGÀNH KHAI THÁC HẢI SẢN VIỆT NAM

Bên cạnh những thành tựu nêu trên, ngành khai thác hải sản Việt Nam tồn tại nhiều hạn chế:

Một là, sự cạn kiệt dần của nguồn thủy sản tự nhiên và trình độ của hoạt động khai thác đánh bắt chưa được cải thiện, cùng những bất cập trong quản lý tàu cá đã khiến sản lượng thủy sản từ hoạt động khai thác tăng khá thấp trong các năm qua, với mức tăng bình quân 6,42%/năm. Không chỉ có vậy, sản lượng và cường độ khai thác gần bờ đã vượt quá giới hạn. Theo khảo sát của Tổng cục Thủy sản (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn), sản lượng và cường độ khai thác gần bờ đã



Ngư dân cần tuân thủ nghiêm các quy định về khai thác hải sản

vượt quá giới hạn. Khảo sát cho thấy, so với giai đoạn 2000-2005, trữ lượng hải sản tầng đáy ở vịnh Bắc Bộ hiện đã giảm 15,1%; ở Trung Bộ trữ lượng tầng đáy giảm 57,8%; vùng biển Đông Nam Bộ trữ lượng tầng đáy giảm 25,6%. Khai thác nguồn lợi thủy sản vượt mức cho phép trên 30%, tức là sinh vật biển đang giảm đi với tốc độ xấp xỉ 1/3 trong vòng 5 năm (từ 2012 đến 2017). Vùng ven bờ bị khai thác vượt quá giới hạn cho phép 10%-12%, trong đó tỷ lệ thủy sản chưa trưởng thành khai thác chiếm 35%-40% (Hải Miên, Quang Đào, 2019).

Hai là, lực lượng lao động khai thác hải sản hiện nay thiếu trầm trọng, chưa đáp ứng quy mô, nhu cầu phát triển nghề cá hiện đại, nhất là đối tượng lao động có khả năng điều khiển các trang, thiết bị trên tàu. Ngư dân đa phần thành thạo nghề, nhưng không qua đào tạo bài bản, có trình độ văn hóa thấp, đánh bắt chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, mà chưa quan tâm học tập nâng cao kiến thức để áp dụng vào sản xuất hiệu quả hơn. Đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng chủ yếu được đào tạo theo hình thức tập huấn ngắn ngày là chính, nên thiếu kiến thức cơ bản để có thể sử dụng các thiết bị hiện đại; thiếu kiến thức về Luật Hàng hải để có thể hoạt động khai thác ở những vùng biển quốc tế. Việc tổ chức các lớp đào tạo nhân lực đi biển đặc biệt là thuyền trưởng, máy trưởng gặp khó khăn, vì ngư dân có trình độ thấp, thường xuyên đi biển, nên rất khó tập trung. Họ chỉ mong bám biển quanh năm, chứ không muốn đi học. Nhiều khi đến lớp, ngư dân học tập theo kiểu đối phó, mong có bằng cấp hơn là học để thu nạp kiến thức, làm phong phú hơn thực tiễn sản xuất.

Nhiều người trẻ không muốn theo nghề biển, do lao động trên biển quá vất vả; thu nhập không ổn định;

quan hệ giữa chủ tàu và bạn thuyền hầu hết không có hợp đồng lao động, không có bảo hiểm xã hội.

Ba là, cơ sở vật chất hạ tầng còn thiếu và yếu. Tuy số lượng tàu tương đối lớn, nhưng hệ thống tàu thuyền của ngư dân được đánh giá còn rất yếu kém. Có đến 99% tàu cá đóng từ vật liệu gỗ, 85%-90% tàu cá sử dụng động cơ từ các thiết bị cũ hoặc thiết bị giao thông đường bộ, trang thiết bị bảo quản thô sơ, số tàu công suất thấp (dưới 90CV) khai thác ven bờ còn lớn. Hiện nay, dù có khá nhiều cảng cá trên cả nước, nhưng hầu hết các cảng cá đều thô sơ, chưa được nâng cấp và mở rộng; rất nhiều cảng chưa có khả năng tiếp nhận những tàu lớn. Ngoài ra, do đội tàu cá quá lớn, nhưng công nghệ khai thác và bảo quản kém đã dẫn tới thất thoát sau thu hoạch cao.

Bốn là, những hạn chế khác. Cụ thể như sau:

- Ô nhiễm môi trường biển ngày càng trầm trọng do: nguồn phát thải từ các dòng sông ô nhiễm khai thác khoáng sản, rác thải từ cư dân ven biển, hoạt động nuôi trồng thủy sản, các hoạt động đô thị hóa, xây dựng các công trình ven biển, xói lở từ lũ lụt. Sự tác động do ô nhiễm làm mất đường di cư sinh sản, nơi cư trú của nhiều loài thủy sản, suy giảm đa dạng sinh học. Điều này đã và đang là thách thức rất lớn đến phát triển nghề cá trên vùng biển Việt Nam hiện nay và trong tương lai.

- Khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) của Việt Nam trên thực tế chưa được cải thiện đáng kể, vẫn tồn tại một số ngư dân sử dụng những hình thức khai thác hủy diệt, như: chất nổ, chất độc, xung điện, lưới mắt nhỏ hoặc các nghề có hại, như: te đẩy, lưới đăng, đáy cào làm cho nguồn lợi trở nên cạn kiệt và khó phục hồi hơn. Công tác thực thi pháp luật để đảm bảo việc kiểm soát tàu cá Việt Nam không vi phạm khai thác bất hợp pháp tại vùng biển nước ngoài chưa hiệu quả; tình trạng tàu cá vi phạm tại vùng biển nước ngoài vẫn còn diễn biến phức tạp... Tất cả điều này đã dẫn đến việc ngày 23/10/2017, EC đã chính thức áp dụng biện pháp cảnh báo "Thẻ vàng" đối với thủy sản khai thác của Việt Nam xuất khẩu vào thị trường châu Âu và đưa ra các khuyến nghị chính thức để Việt Nam tổ chức triển khai thực hiện nhằm cải thiện công tác

quản lý nghề cá. Đây là hồi chuông báo động khẩn, đòi hỏi ngành thủy sản Việt Nam phải có những nỗ lực đổi thay tích cực, là bài học cần thiết về ý thức bảo vệ nguồn lợi biển.

NHỮNG GIẢI PHÁP CẦN THỰC HIỆN

Để phát triển bền vững, ngành khai thác hải sản Việt Nam cần đưa ra những giải pháp thiết thực cụ thể:

Thứ nhất, rà soát, hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về biển theo hướng phát triển bền vững, bảo đảm tính khả thi, đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực luật pháp và điều ước quốc tế, mà Việt Nam tham gia. Phải đẩy nhanh tiến độ lập Quy hoạch sử dụng biển Quốc gia để báo cáo Quốc hội. Xác định đầy đủ các khu vực biển, đảo có tiềm năng lợi thế để phát triển ngành thủy sản, từ đó làm cơ sở cho việc đầu tư khai thác thủy sản. Quy hoạch sử dụng biển Quốc gia phải gắn với việc điều tra, đánh giá đầy đủ về nguồn lợi thủy sản trên biển để làm cơ sở xây dựng kế hoạch khai thác thủy sản phù hợp với nguồn lợi thủy sản. Tập trung xây dựng Chiến lược Phát triển ngành thủy sản Việt Nam giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045.

Đặc biệt, cần phải tiếp tục tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành với nỗ lực, quyết tâm hơn nữa để khắc phục các khuyến nghị của EC, đặc biệt là tăng cường phối hợp, điều tra, xử phạt tàu cá vi phạm IUU, ngăn chặn, chấm dứt tàu cá và ngư dân Việt Nam vi phạm vùng biển nước ngoài; tổ chức triển khai có hiệu quả Luật Thủy sản năm 2017 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật, như: đảm bảo lộ trình lắp đặt thiết bị VMS, đánh dấu tàu cá.

Thứ hai, để hoạt động khai thác thủy sản được phát triển một cách bền vững,

khai thác phải cân đối với tái tạo, tránh gây cạn kiệt nguồn lợi. Chính phủ và chính quyền các địa phương phải phối hợp chặt chẽ trong việc kiểm soát sản lượng khai thác. Trong thời gian qua, Chính phủ cũng đã có nhiều chính sách để bảo vệ nguồn lợi thủy sản, hướng đến phát triển bền vững, tuy nhiên cần có thêm một số chính sách cụ thể hơn, quyết liệt hơn để giải quyết triệt để tình trạng khai thác quá mức, cụ thể như sau:

- Hỗ trợ bà con ngư dân tìm kiếm thêm việc làm mới, bớt sự phụ thuộc quá lớn vào khai thác thủy sản, đồng thời tích cực giáo dục, tuyên truyền cho bà con ngư dân nâng cao ý thức trong việc bảo vệ nguồn lợi, đồng thời nâng cao ý thức của họ trong việc hạn chế gia tăng dân số, dẫn tới nhu cầu đánh bắt thủy sản gia tăng. Bên cạnh đó, cần có sự chung tay của cả cộng đồng trong việc bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kể cả người tiêu dùng sản phẩm.

- Tăng cường kiểm tra, kiểm soát tình hình khai thác để phát hiện và ngăn chặn kịp thời tình trạng khai thác mang tính hủy diệt, tận diệt.

- Kiểm soát chặt chẽ về số lượng tàu thuyền, kích cỡ tàu thuyền, kích cỡ mắt lưới, phương tiện đánh bắt, thời gian đánh bắt, tránh khai thác mùa sinh sản.

- Đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản để thay thế thủy sản khai thác trong tự nhiên. Tuy nhiên, để sản phẩm nuôi trồng có thể thay thế được sản phẩm khai thác từ tự nhiên, cần quan tâm cả về số lượng và chất lượng, đặc biệt là vấn đề sử dụng thức ăn, thuốc, hóa chất bảo quản trong nuôi trồng thủy sản.

Thứ ba, phát triển nguồn nhân lực biển chất lượng cao phù hợp với nhu cầu thị trường, từng bước hình thành đội ngũ các nhà quản lý, nhà khoa học, chuyên gia có chuyên môn sâu về biển và đại dương.

Thứ tư, hiện đại hóa ngành khai thác, thúc đẩy khai thác hải sản có trách nhiệm, sử dụng các công cụ khai thác làm giảm thiểu tác động đến các sinh cảnh và các loài đang bị đe dọa, bảo tồn nguồn tài nguyên phục vụ đời sống con người.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý tàu cá, đảm bảo an toàn cho người và phương tiện hoạt động trên biển; nâng cao năng lực cho công tác đăng kiểm tàu cá từ Trung ương đến các địa phương, đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa tàu cá, nhất là đối với các đội tàu đánh bắt xa bờ. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trung tâm Thông tin phát triển nông nghiệp nông thôn (2019). *Báo cáo thường niên ngành hàng Việt Nam - thị trường thủy sản 2018 triển vọng 2019*
2. Hiệp hội Chế biến và xuất khẩu thủy sản Việt Nam (2009-2019). *Báo cáo ngành hàng hải sản Việt Nam các năm, từ 2009 đến 2019*
3. Tổng cục Thống kê (2019). *Niên giám Thống kê Việt Nam 2018*, Nxb Thống kê
4. Hoàng Nam (2018). *10 năm thực hiện Chiến lược biển Việt Nam. Bài cuối: Tập trung phát triển nguồn nhân lực biển*, truy cập từ <https://www.vietnamplus.vn/10-nam-chien-luoc-bien-hieu-qua-tu-phat-trien-nguon-nhan-luc/527738.vnp>
5. Hải Miên, Quang Đào (2019). *Nguy cơ khai thác tận diệt*, truy cập từ <https://www.nhandan.com.vn/baohoinay/baohoinay-xahoi/item/40733602-nguy-co-khai-thac-tan-diet.html>